

Số: /QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư mua sắm
Dự án: Mua xe ép chuyên dùng thu gom rác thải
sinh hoạt phục vụ mục tiêu nông thôn mới**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 66/2021/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy định phân cấp và phân công trách nhiệm thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 2297/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục, kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2022 thuộc các nguồn vốn được phân cấp cho huyện và nguồn vốn huyện quản lý;

Căn cứ Quyết định số 3404/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án: Mua xe ép chuyên dùng thu gom rác thải sinh hoạt phục vụ mục tiêu nông thôn mới;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 86/2022/CT-CIVS-BĐ ngày 18/3/2022 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Trung tại Bình Định (thẩm định xe ô tô cuốn ép chở rác 14m³, xe cơ sở hiệu ISUZU FVR34LE4);

Căn cứ Văn bản số 17/CIVS-BĐ ngày 14/7/2022 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Trung tại Bình Định về việc gia hạn thời gian hiệu lực Chứng thư thẩm định giá số 86/2022/CT-CIVS-BĐ;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Nước sạch và VSMT huyện tại Tờ trình số 100/TTr-BQLNS ngày 12/07/2022 và của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 375/TTr-PTCKH ngày 13/07/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư mua sắm dự án: Mua xe ép chuyên dùng thu gom rác thải sinh hoạt phục vụ mục tiêu nông thôn mới, với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: Mua xe ép chuyên dùng thu gom rác thải sinh hoạt phục vụ mục tiêu nông thôn mới.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý Nước sạch và VSMT huyện.

4. Mục tiêu và quy mô đầu tư xây dựng:

4.1. Mục tiêu đầu tư:

- Tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo phục vụ công tác thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Tuy Phước; đồng thời giảm bớt thời gian tăng ca của công nhân thu gom rác đảm bảo an sinh xã hội, bảo đảm môi trường trong sạch, phòng chống các dịch bệnh phát sinh.

- Từng bước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao tại các xã trên địa bàn huyện Tuy Phước, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương, đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng cao của xã hội, đem lại môi trường xanh sạch đẹp cho huyện nhà.

4.2. Quy mô đầu tư:

Xe ô tô cuốn ép chở rác 14 m³ (có nền xe cơ sở hiệu ISUZU FVR34LE4)

STT	Thông số	Mô tả
I	GIỚI THIỆU CHUNG	
1	Hàng hoá	Xe ô tô cuốn ép chở rác 14 m ³ (có nền xe cơ sở hiệu ISUZU FVR34LE4)
2	Nhà sản xuất	Công ty CP Ô tô chuyên dùng Hiệp Hoà
3	Nước sản xuất	Việt Nam
4	Năm sản xuất	2021 trở về sau
5	Chất lượng	Mới 100%
II	THÔNG SỐ CHÍNH	
6	Kích thước xe chở rác	
6.1	Kích thước tổng thể	
	- Chiều dài ⁽¹⁾	8.000 mm

	- Chiều rộng ⁽¹⁾	2.500 mm
	- Chiều cao ⁽¹⁾	3.280 mm
6.2	Chiều dài cơ sở	4.300 mm
6.3	Khoảng sáng gầm xe	280 mm
7	Trọng lượng xe chở rác	
7.1	Tự trọng ⁽¹⁾	9.105 kg
7.2	Số người trên cabin gồm cả lái xe	03 người (195 kg)
7.3	Tải trọng ⁽¹⁾ (khối lượng rác cho phép chở)	6.700 kg
7.4	Tổng trọng lượng ⁽¹⁾	16.000 kg
8	Xe cơ sở (sát-xi)	
8.1	Xuất xứ	Hiệu ISUZU model FVR34LE4, do Công ty TNHH Ô tô ISUZU Việt Nam (LD Nhật-Việt) lắp ráp
8.2	Công thức bánh xe	4x2
8.3	Động cơ	
	- Model	6HK1E4NC
	- Tiêu chuẩn khí thải	Euro 4
	- Loại động cơ	Diesel, 4 kỳ, 6 xy lanh thẳng hàng, tăng áp, làm mát bằng nước, phun nhiên liệu điện tử
	- Dung tích xy lanh	7.790 cc
	- Công suất lớn nhất (ISO NET)	177 kW / 2.400 vòng/phút
	- Momen xoắn cực đại (ISO NET)	706 N.m / 1.450 vòng/phút
	- Đường kính xy-lanh x hành trình piston	115 x 125 mm
8.4	Ly hợp	Đĩa đơn ma sát khô, dẫn động thủy lực, trợ lực khí nén
8.5	Hộp số	6 số tiến, 1 số lùi
8.6	Hệ thống lái	Trục vít ê cu bi trợ lực thủy lực
8.7	Hệ thống phanh	
	-Phanh chính	Tang trống khí nén hoàn toàn
	-Phanh đỗ	Tang trống, lò xo tích năng tại bầu phanh trục 2
	-Phanh khí xả	Có
8.8	Hệ thống treo	

	-Trục 1	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thuỷ lực
	-Trục 2	Phụ thuộc, nhíp lá
8.9	Thùng nhiên liệu	200 lít
8.10	Lốp	11.00R20
8.11	Cabin	Cabin lật
9	Hệ thống chuyên dùng	
9.1	Xuất xứ	Công ty CP ô tô chuyên dùng Hiệp Hòa sản xuất lắp ráp tại Việt Nam, mới 100%
9.2	Tổng thể tích thùng	~ 14 m ³
9.3	Thùng chính (Thùng chứa rác)	
	-Thể tích thùng chính	~ 12,5 m ³
	-Hình dạng thùng	<i>Kiểu có thành cong, xương bao quanh</i>
	-Vật liệu sàn thùng	Thép tấm đặc biệt chịu mài mòn cao nhập khẩu từ Nhật Bản, dày 3mm
	-Vật liệu thành thùng	Thép tấm đặc biệt chịu mài mòn cao nhập khẩu từ Nhật Bản, dày 3mm
	-Vật liệu nóc thùng	Thép tấm đặc biệt chịu mài mòn cao nhập khẩu từ Nhật Bản, dày 2.5mm
	-Vật liệu khung ray trượt cho bàn đẩy xả rác	Thép tấm đặc biệt chịu mài mòn cao nhập khẩu từ Nhật Bản, dày 4mm
	-Vật liệu khung xương	Thép tấm Q345 gấp định hình, dày 3-6 mm
9.4	Bàn đẩy xả rác	
	-Vật liệu mặt bàn đẩy xả rác	Thép tấm đặc biệt chịu mài mòn cao nhập khẩu từ Nhật Bản, dày 3mm
	-Vật liệu khung xương bàn đẩy xả rác	Thép tấm Q345, dày 3-6 mm
9.5	Thùng cuốn ép (thùng phụ)	
	- Thể tích máng cuốn ép	~ 1,5 m ³
	- Vật liệu lòng máng	Thép tấm đặc biệt chịu mài mòn cao nhập khẩu từ Nhật Bản, dày 4 mm
	- Vật liệu thành thùng	Thép tấm đặc biệt chịu mài mòn cao nhập khẩu từ Nhật Bản, dày 2.5-4 mm
	-Vật liệu khung xương	Thép tấm Q345 gấp định hình, dày 3-6 mm

	- Vật liệu khung ray trượt cho cuộn ép	Thép tấm HITEN 590 (Nhật), dày 4 mm
	- Nắp đậy thủy lực ở đuôi dùng (để đảm bảo thẩm mỹ và tính vệ sinh khi xe di chuyển)	Làm bằng thép tấm tiêu chuẩn, vận hành bằng xylanh thủy lực
9.6	Bộ lưỡi bàn cuộn ép	
	- Vật liệu lọc lưỡi cuộn rác	Thép HITEN 590 (Nhật), dày 5 mm
	- Vật liệu lọc bàn ép rác	Thép HITEN 590 (Nhật), dày 3 mm
	- Vật liệu khung xương lưỡi cuộn + bàn ép	Thép tấm Q345 gấp định hình, dày 3-6 mm
9.7	Thùng chứa nước thải dưới máng cuộn ép rác	
	- Dung tích	~ 250 lít
	- Vật liệu	Inox 201, dày 2 mm
	- Van xả nước	Có
	- Cửa dọn rác	Có
9.8	Cơ cấu nạp rác	
	- Cơ cấu nạp rác	Sử dụng bộ càn đa năng miền Bắc (gồm Tay gấp thùng xe gom rác đẩy tay và bộ cơ cấu kẹp thùng nhựa đựng rác công cộng 240L/660L)
	- Kiểu vận hành	Dùng xylanh thủy lực
	- Góc lật	~ 130 ^o
	- Tải trọng cặp rác tối đa	~ 500 kg
	- Thời gian nạp rác	~ 10 giây
9.9	Cơ cấu cuộn ép rác	
	- Kiểu vận hành	Dùng xylanh thủy lực
	- Thời gian cuộn ép	~ 20 giây
9.10	Cơ cấu xả rác	
	- Cơ cấu xả rác	Sử dụng xylanh tầng xả rác bố trí trước thùng chứa rác, gắn trực tiếp với bàn xả bằng kết cấu cơ khí để đẩy xả rác ra ngoài
	- Kiểu vận hành	Dùng xylanh tầng thủy lực
	- Thời gian xả rác	~ 20 giây
9.11	Bơm thủy lực	

	- Xuất xứ	Ý
	- Lưu lượng danh nghĩa	88.7 cc (86.56cc; 54,5 + 34,3cc hoặc 61,43+39,27cc)
	- Áp suất tối đa liên tục	230 kg/cm ²
	- Nguồn dẫn động bơm	Truyền động trực tiếp từ PTO thông qua trục các-đăng
9.12	Van điều khiển tay tích hợp van an toàn cho hoạt động xả rác	BM70/2GU/MOA1x2
	- Xuất xứ	Ý
	- Lưu lượng tối đa	90 lít/phút
	- Áp suất tối đa	320 kg/cm ²
9.13	Van điều khiển tay tích hợp van an toàn cho hoạt động nâng nắp đậy và kẹp lật thùng	BM70/2GU/MOA1x2
	- Xuất xứ	Ý
	- Lưu lượng tối đa	90 lít/phút
	- Áp suất tối đa	320 kg/cm ²
9.14	Van điều khiển tay tích hợp van an toàn cho hoạt động cuốn, ép riêng rẽ	BM100/2GU/MOA1x2
	- Xuất xứ	Ý
	- Lưu lượng tối đa	100 lít/phút
	- Áp suất tối đa	320 kg/cm ²
9.15	Xylanh thuỷ lực xả rác	
	- Xuất xứ	Linh kiện nhập khẩu từ Ý, lắp ráp tại nhà máy Công ty CP Ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa
	- Loại xylanh	Loại xylanh nhiều tầng tác động 2 chiều
	- Áp suất làm việc liên tục	180 kg/cm ²
	- Số lượng	01 chiếc
9.16	Các xylanh thuỷ lực khác	
	- Xuất xứ	Linh kiện nhập khẩu từ Ý, lắp ráp tại nhà máy Công ty CP Ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa
	- Loại xylanh	Xylanh 1 tầng tác động 2 chiều
	- Áp suất làm việc liên tục	210 kg/cm ²
	- Xylanh ép rác	02 chiếc

	- Xylanh cuốn rác	02 chiếc
	- Xylanh nâng thùng phụ	02 chiếc
	- Xylanh càn gấp	02 chiếc
	- Xylanh nâng nắp đậy	02 chiếc
9.17	Thùng dầu thủy lực	150 lít
9.18	Các thiết bị thủy lực phụ trợ khác	Lọc dầu, đồng hồ đo áp suất, nắp dầu, khóa đồng hồ, thước báo dầu, jắc-co ...được lắp ráp đầy đủ, giúp xe hoạt động an toàn hiệu quả
9.19	Áp suất làm việc tối đa của hệ thống thủy lực	180 kg/cm ²
9.20	Hệ điều khiển	
	- Điều khiển P.T.O	Công tắc điện, điều khiển khí nén, đóng-ngắt PTO nhẹ nhàng, dễ điều khiển
	- Điều khiển nạp rác	Điều khiển bằng tay: cặp thùng xe gom (kẹp thùng nhựa), lật thùng xe gom (thùng nhựa) đổ vào máng, đưa thùng xe gom (thùng nhựa) ra, nhả thùng xe gom (thùng nhựa) về lại vị trí cũ
	- Điều khiển cuộn ép rác	Điều khiển bằng tay có chế độ ga tự động khi thao tác phần cuộn ép nhằm tăng hiệu quả làm việc
	- Điều khiển xả rác	Điều khiển bằng tay, có khoá an toàn, hoạt động gồm 4 bước: mở khoá, nâng thùng phụ / đẩy rác ra ngoài / rút bàn ép về / hạ và khoá thùng phụ
10	Các trang thiết bị khác trên xe	
10.1	Điều hòa nhiệt độ trong cabin	Có
10.2	Radio CD trong cabin	Có
10.3	Bậc để chân và tay vịn ở 2 bên phía sau thùng phụ	Có
10.4	Bảo hiểm hông ở 2 bên thân xe	Có
10.5	Dè sau ở 2 bên sau xe	Có
10.6	Đèn quay tín hiệu trên nóc cabin	Có
10.7	Đèn chiếu sáng vị trí công tác phía sau thùng phụ	Có
10.8	Đèn chiếu sáng 2 bên hông xe	Có
10.9	Bánh xe dự phòng	01 chiếc
10.10	Bộ dụng cụ đồ nghề tiêu chuẩn theo	01 bộ

	xe cơ sở	
III.	THỜI GIAN BẢO HÀNH	
11	Xe cơ sở ISUZU	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất xe cơ sở
12	Hệ thống chuyên dùng	12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao hàng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất

5. Địa điểm đầu tư: Ban Quản lý Nước sạch và VSMT huyện.

6. Tổng mức đầu tư dự án: 2.250.000.000 đồng.

(Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng)

7. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2022.

8. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác.

9. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Theo Luật Đấu thầu & các quy định hiện hành.

Điều 2. Quyết định này làm cơ sở để thực hiện và quản lý chi phí đầu tư dự án. Giao Trưởng ban Ban Quản lý Nước sạch và VSMT huyện có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn tất các thủ tục còn lại theo quy định để triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Trưởng phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Trưởng ban Ban Quản lý Nước sạch và VSMT huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Xuân